

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 27 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐẾN Số: 2758
Ngày: 22/9/2015
Chuyển: 11/2003/QH11

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông Vận tải;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 285/TTr-SGTVT ngày 21 tháng 7 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quy định này; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*TM*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTQVN tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, thị trấn do UBND các huyện, TX, TP sao gửi;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP; các P, TT;
- Lưu: VT, CN. (HT.100) *W*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý, bảo trì đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường chuyên dùng và đường đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Việc quản lý, vận hành khai thác đường và cầu trên đường giao thông nông thôn theo Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn.

3. Quy định này không áp dụng đối với đường quốc lộ, đường nội bộ doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung không được đề cập tại Quy định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường tỉnh* là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. *Đường huyện* là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

3. *Đường xã* là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

4. *Đường chuyên dùng* là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức cá nhân.

5. *Đường đô thị (hay đường phố)* là đường bộ nằm trong phạm vi nội thành, nội thị, được giới hạn bởi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Khái niệm về đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

- *Đường bộ* gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- *Công trình đường bộ* gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

- *Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ* gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

7. *Bảo trì công trình đường bộ* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

8. *Cơ quan quản lý đường bộ địa phương* là Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

9. *Đơn vị (nhà thầu) quản lý, bảo trì đường bộ* là tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình đường bộ. Nhà thầu bảo trì đường bộ bao gồm: Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

10. *Quy trình bảo trì công trình đường bộ* là quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ

11. *Chủ sở hữu công trình đường bộ* là cá nhân, tổ chức có quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

12. *Người quản lý, sử dụng công trình* là chủ sở hữu trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng công trình hoặc là người được chủ sở hữu công trình ủy quyền quản lý, sử dụng công trình trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng công trình.

Điều 4. Yêu cầu về quản lý, bảo trì công trình đường bộ

1. Công trình đường bộ khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP), Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 (sau đây viết tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP), Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Nghị định số 10/2013/NĐ-CP), các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Bảo trì công trình đường bộ phải thực hiện theo quy định của quy trình bảo trì, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình đường bộ được cơ quan có thẩm quyền công bố áp dụng. Tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quy trình bảo trì công trình đường bộ được lập phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, loại công trình (đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao và công trình khác), cấp công trình và mục đích sử dụng công trình.

Quy trình bảo trì được thể hiện rõ ràng, công khai bằng tiếng Việt trên giấy, đĩa từ hoặc các phương tiện khác. Trường hợp quy trình bảo trì của công trình đầu tư xây dựng bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) do tổ chức tư vấn, nhà thầu nước ngoài lập bằng tiếng Anh, chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án có trách nhiệm dịch ra tiếng Việt trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ phải bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt, an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

5. Việc quản lý, bảo trì các công trình dưới đây được thực hiện theo quy định của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ và quy định của pháp luật khác có liên quan, cụ thể:

a) Đối với công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Đối với công trình cấp điện, đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì loại công trình, thiết bị đó; công tác quản lý, trồng và chăm sóc cây xanh, thảm cỏ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Đối với thiết bị lắp đặt vào công trình: Thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất, cung cấp thiết bị và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Đối với công trình chống va trôi, chỉnh trị dòng chảy và các công trình có liên quan đến chuyên ngành đường thủy nội địa, thủy lợi và các công trình khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 5. Nội dung của quy trình bảo trì và trách nhiệm lập quy trình, bảo trì công trình đường bộ

1. Nội dung chính của quy trình bảo trì công trình đường bộ bao gồm:

a) Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;

b) Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;

c) Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;

d) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;

đ) Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp;

e) Quy định thời gian sử dụng của công trình;

g) Quy định về nội dung, thời gian đánh giá định kỳ đối với công trình phải đánh giá an toàn trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan;

h) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;

i) Quy định thời điểm, phương pháp, chu kỳ quan trắc đối với công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;

k) Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình đường bộ:

a) Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình cùng với hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình;

c) Trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư có thể thuê đơn vị tư vấn khác có đủ điều kiện năng lực để lập quy trình, bảo trì cho các đối tượng nêu tại Điểm a, Điểm b Khoản này và có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn.

Điều 6. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ

Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 126 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có thể thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình xây dựng do nhà thầu thiết kế lập làm cơ sở cho việc phê duyệt, cụ thể như sau:

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới công trình đường bộ:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận quy trình bảo trì do nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng công trình và nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình; tổ chức thẩm định và phê duyệt trước khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

b) Đối với công trình đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng BOT, BTO và BT thì doanh nghiệp dự án (nhà đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi thỏa thuận với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án.

c) Đối với đường chuyên dùng, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các quy định tại Quy định này.

2. Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình xây dựng nếu cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông Vận tải thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ đối với các công trình tuyến tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt đối với các công trình đường huyện, đường xã, đường giao thông nông thôn, đường đô thị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thẩm định, phê duyệt đối với công trình đường bộ được giao quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Phân cấp về công tác quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ

1. Sở Giao thông Vận tải quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh (như phụ lục kèm theo).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, khai thác, bảo trì mạng lưới đường huyện và đường đô thị nằm trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo trì mạng lưới đường xã, đường giao thông nông thôn nằm trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu công trình đường bộ ủy quyền quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng, quản lý, bảo trì công trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Đăng ký phân loại đường bộ: Căn cứ vào tình hình thực tế hệ thống đường bộ trên địa bàn do các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân cấp quản lý theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 của Điều này, hàng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký, phân loại theo quy định và gửi về Sở Giao thông Vận tải trước ngày 15 tháng 6 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHƯƠNG III QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Nội dung công tác quản lý công trình đường bộ

1. Lưu trữ và quản lý hồ sơ hoàn công công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Lập hồ sơ quản lý công trình đường bộ

a) Đối với cầu đường bộ:

Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công của cầu, hồ sơ hệ mốc cao độ, bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang cầu, mặt cắt địa chất, hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hành lang an toàn cầu; hồ sơ kiểm định, hồ sơ cấp phép thi công; lập sổ lý lịch cầu, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, kiểm định, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; sổ tuần tra, kiểm tra cầu.

b) Đối với đường bộ:

Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công như bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, hệ thống thoát nước, hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép xây dựng; lập bình đồ duỗi thẳng và cập nhật các biến động về tổ chức giao thông, sử dụng đất dành cho đường bộ; sổ tuần đường; cập nhật số liệu về đếm xe (lưu lượng, tải trọng xe); cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

c) Công trình kè, cống và các công trình nhân tạo tương tự, ngoài việc quản lý bảo dưỡng thường xuyên, phải lập kế hoạch kiểm tra, theo dõi riêng.

3. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm.

b) Hồ sơ đấu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đấu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

4. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ; phối hợp với lực lượng công an và chính quyền địa phương quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Theo dõi tình hình hư hại công trình đường bộ; tổ chức tuần tra, kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời hư hỏng và các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp xử lý theo quy định.

6. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ tháng, quý, năm; kiểm tra đột xuất sau mỗi đợt lũ, lụt, bão hoặc các tác động bất thường khác.

7. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự tăng trưởng của lưu lượng, kiểu loại phương tiện cơ giới đường bộ.

8. Thực hiện quản lý tải trọng, khổ giới hạn xe; tổ chức cấp giấy lưu hành cho xe bánh xích, xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng công trình đường bộ; kiểm tra tải trọng xe ở các trạm kiểm tra tải trọng xe cố định hoặc tạm thời và xử lý theo quy định; phân tích đánh giá tác động do hoạt động của xe quá khổ, quá tải đến sự bền vững công trình đường bộ.

9. Lập biểu mẫu theo dõi số vụ tai nạn, xác định nguyên nhân ban đầu từng vụ tai nạn, thiệt hại do tai nạn. Phối hợp với lực lượng công an và chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

10. Phân làn, phân luồng, tổ chức giao thông; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ điểm đen, xử lý và theo dõi kết quả các điểm đen đã được xử lý.

11. Trục đảm bảo giao thông; theo dõi tình hình thời tiết, ngập lụt, các sự cố công trình, xử lý và báo cáo theo quy định.

12. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 9. Nội dung bảo trì công trình đường bộ

Bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình.

1. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ là các hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ, được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình đường bộ ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình đường bộ.

2. Sửa chữa công trình đường bộ là hoạt động khắc phục hư hỏng của công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ. Sửa chữa công trình đường bộ bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất:

a) Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ: Là hoạt động sửa chữa được thực hiện theo kế hoạch nhằm khôi phục, cải thiện tình trạng kỹ thuật của công trình đường bộ mà bảo dưỡng thường xuyên công trình không đáp ứng được; bao gồm: Sửa chữa hư hỏng, thay thế bộ phận công trình, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì công trình đường bộ.

- Đối với đường bộ (Theo quy trình bảo trì riêng cho từng tuyến): Thời hạn sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ được quy định theo loại kết cấu mặt đường

và lưu lượng xe tính toán thiết kế mặt đường do nhà thầu thiết kế đưa ra và có thể tham khảo theo bảng dưới đây:

STT	Loại kết cấu mặt đường	Thời hạn sửa chữa vừa (năm)	Thời hạn sửa chữa lớn (năm)
1	Bê tông nhựa	4	12
2	Bê tông xi măng	8	24
3	Đá dăm trộn nhựa, đá dăm đen	3	9
4	Thấm nhập nhựa; láng nhựa 2, 3 lớp	3	6
5	Đá dăm tiêu chuẩn, cấp phối đá dăm	2	4
6	Cấp phối thiên nhiên	1	3

- Đối với cầu đường bộ:

+ Cầu tạm: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ.

+ Các cầu khác: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, kết quả kiểm định.

b) Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ: Là hoạt động sửa chữa phải thực hiện bất thường khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động thiên tai đột xuất khác hoặc khi có biểu hiện có thể gây hư hỏng đột biến ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, khai thác công trình hoặc có khả năng xảy ra sự cố dẫn tới thảm họa và theo quy định tại Điểm c Khoản 10 Điều 3 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

3. Sửa chữa đột xuất khắc phục hậu quả lụt, bão, bảo đảm giao thông thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão trong ngành đường bộ và được chia làm hai bước như sau:

a) Bước 1: Thực hiện sửa chữa khôi phục đường bộ khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ. Bước 1 được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán.

b) Bước 2: Xử lý tiếp theo Bước 1, nhằm khôi phục đường bộ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình. Bước 2 được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định như đối với công trình xây dựng cơ bản.

Điều 10. Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ: Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức như quy định đối với công trình xây dựng cơ bản.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ:

a) Áp dụng theo Tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ hiện hành do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (TCCS 07:2013/TCĐBVN);

b) Áp dụng theo Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

c) Các định mức duy tu, bảo dưỡng thảm cỏ, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cọc cừ và định mức tương tự khác không có ở các tập định mức nêu tại Điểm b Khoản 2 Điều này, áp dụng các định mức tương ứng của ngành khác hoặc của địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Các công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình có tiêu chuẩn cơ sở hoặc quy trình bảo trì riêng, ngoài việc thực hiện các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này còn được áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, quy trình bảo trì riêng để bảo dưỡng, sửa chữa và bảo trì công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình.

Điều 11. Quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm điều tra, khảo sát để xây dựng cơ sở dữ liệu về đường bộ trên các tuyến đường đang quản lý và báo cáo đúng định kỳ theo quy định gửi cho cơ quan quản lý đường bộ để phục vụ cho công tác bảo trì đường bộ và đầu tư xây dựng.

2. Định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về cơ sở hạ tầng do mình quản lý lên cơ quan cấp trên.

Điều 12. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Nhà nước

a) Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì hệ thống tỉnh lộ và các công trình khác được giao quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch bảo trì đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường giao thông nông thôn.

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh lập kế hoạch bảo trì đối với hệ thống đường bộ được giao quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Nhà nước

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường nội bộ khu công nghiệp trên cơ sở đề xuất của Sở Giao thông Vận tải và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường giao thông nông thôn theo phân cấp, trên cơ sở đề xuất của phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý Đô thị.

3. Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Nhà nước

Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Điều 13. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đối với công trình BOT và công trình dự án khác: Doanh nghiệp, chủ đầu dự án căn cứ kế hoạch và chi phí bảo trì được duyệt tổ chức thực hiện bảo trì theo đúng quy định, đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt.

3. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu công trình tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình do mình đầu tư, quản lý và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

4. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 14. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường bộ

Việc quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

CHƯƠNG IV KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Khen thưởng

Những tổ chức và cá nhân được khen thưởng theo quy định của pháp luật khi có các thành tích sau đây:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo trì mạng lưới đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng;

2. Đóng góp công sức, của cải vật chất vào việc bảo vệ mạng lưới đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng;

3. Phát hiện, tố giác và ngăn chặn hành vi xâm hại phá hoại công trình giao thông đường bộ, hành vi lấn chiếm sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

Điều 16. Xử lý vi phạm

Các hành vi vi phạm về bảo vệ công trình giao thông nếu gây thiệt hại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh

1. Sở Giao thông Vận tải:

a) Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đường địa phương; tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này và pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do địa phương quản lý gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam định kỳ 06 tháng và hàng năm trước ngày 08 tháng 01 của năm tiếp theo;

c) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính:

a) Hàng năm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước, phân bổ kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp và sự nghiệp có tính chất đầu tư hàng năm để thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã và đường đô thị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức được giao quản lý theo phân cấp trong việc sử dụng kinh phí quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã và đường đô thị theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước nhằm phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

3. Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ nguồn thu phí đường

bộ hàng năm đối với xe mô tô tại địa phương và nguồn thu phí đối với xe ô tô từ Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương cho công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã và đường đô thị đúng quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì các tuyến đường huyện, đường xã và đường khác trên địa bàn theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Quy định này và pháp luật có liên quan; báo cáo Sở Giao thông Vận tải tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do mình quản lý định kỳ hàng quý trước ngày 10 của tháng cuối quý và hàng năm trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 19. Trách nhiệm của các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng, khai thác công trình, quan trắc và các hoạt động khác để bảo trì công trình đường bộ

a) Thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ được giao theo Quy định này, quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc quy trình bảo trì công trình, quy trình khai thác (đối với các công trình có quy trình khai thác), nội dung quy định trong hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ (hoặc chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ) và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo cơ quan quản lý đường bộ (hoặc chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ) về tình hình quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ theo Quy định này và quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên, quy trình bảo trì và các quy định khác có liên quan, báo cáo định kỳ hàng quý trước ngày 10 của tháng cuối quý và hàng năm trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

Điều 20. Trách nhiệm của doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ

a) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ do mình quản lý, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt và đúng quy định của pháp luật;

b) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giao thông Vận tải về tình hình quản lý, khai thác và bảo trì công trình do mình quản lý theo Quy định này và các quy định có liên quan định kỳ hàng quý trước ngày 10 của tháng cuối quý và hàng năm trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo;

d) Nội dung báo cáo, biểu mẫu báo cáo: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ đang khai thác

- a) Bảo trì công trình đường bộ kể từ ngày nhận bàn giao để thực hiện dự án;
- b) Thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, trực đảm bảo giao thông, tham gia xử lý khi có tai nạn giao thông và sự cố công trình theo quy định của Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Chấp hành việc xử lý, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện Quy định và quy định của pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐƯỜNG BỘ DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quy định về quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk)

TT	Số hiệu	Tên đường (Thường gọi)	Tên gọi theo QHPTGT năm 2014	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Quy mô
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đường tỉnh				Tổng cộng	381,00	
1	ĐT.687	Tỉnh lộ 7	Tỉnh lộ 7	Km0 (Km48, QL27 xã Đăk Liêng, H. Lắk)	Km14 (Xã Buôn Triết, H. Lắk)	14,00	Cấp IV
2	ĐT.688	Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Cư M'gar)	Km35 (Km674+158, QL14, Xã Pong Drang, H. Krông Búk)	35,00	Cấp IV
3	ĐT.689	Tỉnh lộ 9	Tỉnh lộ 9	Km0 (Km123, QL26, TT. Phước An, H. Krông Pắc)	Km27 (Km15, ĐT.692, TT. Krông Kmar, H. Krông Bông)	27,00	Cấp IV
4	ĐT.690	Tỉnh lộ 10	Tỉnh lộ 10	Km0 (Km17, QL27, Xã Ea B'hôk, H. Cư Kuin)	Km20 (Km12, ĐT.698, Xã Ea Bông, H. Krông Ana)	20,00	Cấp IV
5	ĐT.692	Tỉnh lộ 12	Tỉnh lộ 12	Km0 (Km30, QL27, Xã Yang Réh, H. Krông Bông)	Km53 (Xã Yang Mao, H. Krông Bông)	53,00	Cấp IV
6	ĐT.693	Tỉnh lộ 13	Tỉnh lộ 13	Km0 (Km67+800, QL26, TT. M'Drăk, H. M'Drăk)	Km40 (Km109+790, QL29, Xã Cư P'rao, H. M'Drăk)	40,00	Cấp IV
7	ĐT.693B	Tỉnh lộ 13B	Tỉnh lộ 13B	Km0 (Km67+00, QL26, TT. M'Drăk, H. M'Drăk)	Km29+897 (Km30) Xã Ea M'Doal, huyện M'Drăk (giáp ranh giới tỉnh Phú Yên)	30,00	Cấp IV
8	ĐT.695	Tỉnh lộ 15	Tỉnh lộ 15	Km0 (Km638+540, QL14, TT. Ea Drăng, H. Ea H'leo)	Km29 (Xã Ea Sol, H. Ea H'leo)	29,00	Cấp IV

TT	Số hiệu	Tên đường (Thường gọi)	Tên gọi theo QHPTGT năm 2014	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Quy mô
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
9	ĐT.697	Tỉnh lộ 1	Tỉnh lộ 17	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Buôn Đôn)	Km67 (Xã Ea Lê, H. Ea Súp)	67,00	Cấp IV
10	ĐT.697E	Tỉnh lộ 5	Tỉnh lộ 17E	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Buôn Đôn)	Km15 (Km13, ĐT.697, Xã Tân Hòa, H. Buôn Đôn)	15,00	Cấp IV
11	ĐT.698	Tỉnh lộ 2	Tỉnh lộ 18	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Krông Ana)	Km27 (Xã Quảng Điền, H. Krông Ana)	27,00	Cấp IV
12	ĐT.699	Tỉnh lộ 3	Tỉnh lộ 19	Km0 (Km99, QL26, TT. Ea Kar, H. Ea Kar)	Km24 (Km165+100, QL29, TT. Krông Năng, H. Krông Năng)	24,00	Cấp IV
II	Quốc lộ				Tổng cộng	342,2	
1	QL27	QL27	QL27	Km0 (Km149+320, QL26 Phường Tân lập, TP. BMT)	Km88+00 (Xã Krông Nô, H. Lắk)	88,00	Cấp IV
2	QL29	QL29	QL29	Km0 (Km109+790 Ranh giới Đắk Lắk - Phú Yên)	Km282+485 (Xã Ea Bung, H. Ea Súp)	172,7	Cấp IV
3	QL14C	QL14C	QL14C	Km202 (Xã Ia Rvê, H. Ea Súp)	Km283+500 (Xã Krông Na, H. Buôn Đôn)	81,5	Cấp IV-V